

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11/4/2025

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Văn Thị Thu Vân;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hải V, sinh năm 1991; nơi thường trú: Thôn A, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

- Bị đơn: Anh Võ Ngọc V1, sinh năm 1987; nơi thường trú: Thôn A, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải V trình bày: Chị V và anh Võ Ngọc V1 tự nguyện kết hôn và đăng kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V1 thường xuyên bỏ nhà đi, không liên lạc được, không cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con, không chia sẻ, cảm thông, trách nhiệm và bổn phận cùng với vợ, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau và tình trạng mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn. Đến năm 2022 thì vợ chồng chị không còn chung sống cùng nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, do vậy Chị V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Võ Ngọc V1.

Về việc nuôi con: Chị V và anh V1 có 01 con chung là Võ Ngọc Vân K, sinh ngày 12/10/2015. Chị V yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh V1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Võ Ngọc V1 mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hải V ly hôn với anh Võ Ngọc V1. Giao cho Chị V trực tiếp nuôi con là Võ Ngọc Vân K, sinh ngày 12/10/2015. Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải V yêu cầu ly hôn, có tranh chấp về nuôi con với anh Võ Ngọc V1; nơi thường trú: Thôn A, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Võ Ngọc V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Võ Ngọc V1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải V và anh Võ Ngọc V1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống Chị V và anh V1 có phát sinh mâu thuẫn nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V1. Theo kết quả xác minh thì vợ chồng chị V và anh V1 trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn hiện không còn chung sống cùng nhau. Nhiều lần Tòa án thông báo hòa giải nhưng anh V1 không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị V. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh V1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hải V với anh Võ Ngọc V1.

[4] Về việc nuôi con: Chị V và anh V1 có 01 con chung là Võ Ngọc Vân K, sinh ngày 12/10/2015. Chị V yêu cầu được trực tiếp con và không yêu cầu anh V1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét các cháu K hiện đang do chị V trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Chị V đang trong độ tuổi lao động, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cho chị V trực tiếp nuôi cháu K, cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và tự lập được.

Chị V không yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Võ Ngọc V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải V cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Hải V ly hôn với anh Võ Ngọc V1.

- Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Hải V trực tiếp nuôi con chung là Võ Ngọc Vân K, sinh ngày 12/10/2015, khi cháu K chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013303 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Ngọc V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 11/4/2025. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã Thành An (để ghi vào sổ hộ tịch, số 02, quyển số 01 năm 2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo